

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XCD

TÊN HỌC PHẦN: **NỀN & MÓNG**

HỌC KỲ **6**

MÃ HỌC PHẦN : **CIE - 323**

TÍN CHỈ **2**

Ngày thi: 28/02/2010

LẦN THI **1**

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10		20	10		50	100			
1	121212282	BÙI MINH	DUẤN	K13XCD1	5			2		5	6		5	4.8	Bất pháp Tam		
2	131217956	PHAN CÔNG	ANH	K13XCD1	6			6.5		4.5	7		5	5.4	Nằm pháp Bất		
3	131217961	CHÂU QUỐC	BẢO	K13XCD1	7			6		4	7.5		4	4.9	Bất pháp Chên		
4	131217967	TRẦN VĂN	CHÁNH	K13XCD1	8			7		5	8		4.5	5.6	Nằm pháp Sau		
5	131217976	TRẦN THANH	CUÔNG	K13XCD1	10			8		5	8.5		4	5.7	Nằm pháp Baý		
6	131217979	HUỖNH NGỌC	DẪN	K13XCD1	8			6.5		6	8		3.5	5.2	Nằm pháp Hai		
7	131217983	HOÀNG VĂN	DIỆM	K13XCD1	6			2		6	7		4	4.7	Bất pháp Baý		
8	131217993	TRỊNH ANH	DỮNG	K13XCD1	7			7		4	7.5		4	5.0	Nằm		
9	131217998	HOÀNG THỊ THU	HÀ	K13XCD1	10			8		6	9		9	8.4	Tam pháp Bất		
10	131218009	TRẦN VĂN	HIỆP	K13XCD1	10			8		4.5	8.5		6	6.6	Sau pháp Sau		
11	131218013	VÕ HOÀNG	HIỆU	K13XCD1	8			8		5.5	8		7	7.0	Baý		
12	131218017	NGUYỄN THỊ	HÒA	K13XCD1	10			8		6	9		5	6.4	Sau pháp Bất		
13	131218028	NGUYỄN VĂN	HƯNG	K13XCD1	8			7		5	8		7	6.8	Sau pháp Tam		
14	131218032	NGUYỄN CÔNG	HỮU	K13XCD1	8			6		6.5	8		4.5	5.8	Nằm pháp Tam		
15	131218041	NGUYỄN THÀNH	KHOA	K13XCD1	8			7		5	8		9	7.8	Baý pháp Tam		
16	131218049	DƯƠNG HOÀNG	LONG	K13XCD1	10			8		7	7		1.5	4.7	Bất pháp Baý		
17	131218050	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	K13XCD1	10			6		5.5	8.5		6	6.5	Sau pháp Nằm		
18	131218054	NGUYỄN VĂN	LONG	K13XCD1	5			2		0	6		V	0.0	Khăng		
19	131218057	HOÀNG NGỌC BẢO	MINH	K13XCD1	7			7		4.5	7.5		V	0.0	Khăng		
20	131218069	NGUYỄN ĐỒNG	NHẬT	K13XCD1	6			6.5		6	7		4	5.2	Nằm pháp Hai		
21	131218078	ĐẶNG	PHƯƠNG	K13XCD1	8			7		5	8		8	7.3	Baý pháp Ba		
22	131218081	ĐỖ MINH	QUANG	K13XCD1	7			2		4.5	7.5		5.5	5.3	Nằm pháp Ba		
23	131218084	NGÔ VĂN	QUANG	K13XCD1	8			5		4.5	8		6	6.0	Sau		
24	131218085	NGUYỄN VĂN	QUANG	K13XCD1	6			7		4	7		2	3.8	Ba pháp Tam		
25	131218090	VÕ TIẾN	QUỐC	K13XCD1	10			7		4	8.5		6	6.4	Sau pháp Bất		
26	131218094	LÊ CÔNG	SANG	K13XCD1	6			6.5		7	7		5	5.9	Nằm pháp Chên		
27	131218097	NGUYỄN ĐẠI	SƠN	K13XCD1	8			6.5		7.5	8		1.5	4.5	Bất pháp Nằm		
28	131218103	LÊ HÀN	TÂY	K13XCD1	5			6.5		0	6		2	2.8	Hai pháp Tam		
29	131218107	ĐỖ THÀNH	THÁI	K13XCD1	7			8		5	8		5.5	6.1	Sau pháp Mất		
30	131218111	PHẠM XUÂN	THẮNG	K13XCD1	5			6.5		6.5	6		3.5	4.8	Bất pháp Tam		
31	131218113	TRẦN HOÀI	THANH	K13XCD1	7			6.5		4.5	7		4	5.0	Nằm		
32	131218119	DƯƠNG VĂN	THỊNH	K13XCD1	7			7		4	7.5		5	5.5	Nằm pháp Nằm		
33	131218123	LÊ TRUNG	TIẾN	K13XCD1	7			7		5	7.5		2.5	4.4	Bất pháp Bất		
34	131218127	LÊ ĐỨC	TÌNH	K13XCD1	8			5		4	7.5		5.5	5.6	Nằm pháp Sau		
35	131218132	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	K13XCD1	8			7		8	8		6.5	7.2	Baý pháp Hai		
36	131218135	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	K13XCD1	7			8		5	7		5	5.7	Nằm pháp Baý		
37	131218136	VÕ VĂN	TRUNG	K13XCD1	5			5		7	6		1	3.5	Ba pháp Nằm		
38	131218139	BÙI THANH	TUẤN	K13XCD1	8			5		6.5	8		3	4.9	Bất pháp Chên		
39	131218145	LÊ THANH	TÙNG	K13XCD1	6			7		5	7		2	4.0	Bất		
40	131218148	TRẦN HỒ HUY	VĂN	K13XCD1	8			5		5	8		5	5.6	Nằm pháp Sau		
41	131218152	NGUYỄN TRẦN HIẾU	VINH	K13XCD1	7			6.5		6	7.5		4.5	5.6	Nằm pháp Sau		
42	131218156	LỮ HOÀNG	VỸ	K13XCD1	6			5		5.5	7		6	5.9	Nằm pháp Chên		
43	131218158	NGUYỄN VĂN	HẠNH	K13XCD1	10			6.5		5	8.5		7.5	7.3	Baý pháp Ba		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K13XCD

TÊN HỌC PHẦN:

NỀN & MÓNG

HỌC KỲ

6

MÃ HỌC PHẦN :

CIE - 323

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

28/02/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10		20	10		50	100			
44	131218160	NGUYỄN QUANG	QUÂN	K13XCD1	8			5		5	8		5.5	5.9	Nằm pháp Chên		
45	131218161	NGUYỄN HỒ ANH	DUY	K13XCD1	10			8		8	9		8.5	8.6	Tâm pháp Sầu		
46	131218162	LÊ MINH	HOÀNG	K13XCD1	7			5		6	8		6.5	6.5	Sầu pháp Nằm		
47	131218164	PHAN NGUYỄN THANH	CHUÔNG	K13XCD1	10			5		6.5	8.5		6.5	6.9	Sầu pháp Chên		
48	131218165	NGUYỄN VĂN	HƯNG	K13XCD1	10			6		7	9		7.5	7.7	Báy pháp Báy		
49	131218166	THÁI BÁ	PHÚC	K13XCD1	7			6.5		4	7.5		5	5.4	Nằm pháp Bấu		
50	131218167	HUỖNH NGỌC	THỊNH	K13XCD1	8			5		7.5	8		7	7.1	Báy pháp Mất		
51	131218171	TRẦN NGỌC	SON	K13XCD1	8			5		4.5	8		7	6.5	Sầu pháp Nằm		
52	111212265	HUỖNH ANH	KHOA	K13XCD2	5			7.5		5	6		6	5.9	Nằm pháp Chên		
53	131217959	VÕ NGỌC	BA	K13XCD2	6			7		5	7		7	6.5	Sầu pháp Nằm		
54	131217960	DƯƠNG VĂN	BAN	K13XCD2	6			8.5		6.5	7		8	7.5	Báy pháp Nằm		
55	131217963	ĐINH HỮU	BÌNH	K13XCD2	7			8.5		4.5	7.5		6.5	6.5	Sầu pháp Nằm		
56	131217966	NGUYỄN VĂN	CAO	K13XCD2	10			8.5		5.5	9		7	7.4	Báy pháp Bấu		
57	131217975	ĐẶNG MINH	CUÔNG	K13XCD2	6			5		5	7		5	5.3	Nằm pháp Ba		
58	131217977	LÊ HÀ HÙNG	CUÔNG	K13XCD2	8			7		7	8		8	7.7	Báy pháp Báy		
59	131217978	NGUYỄN VĂN	CUÔNG	K13XCD2	7			2		7	7.5		4	5.1	Nằm pháp Mất		
60	131217981	BÙI THANH	DANH	K13XCD2	7			6.5		7.5	7.5		7	7.1	Báy pháp Mất		
61	131217985	NGUYỄN ĐỨC SĨ	DIỆN	K13XCD2	10			5		5	8		7	6.8	Sầu pháp Tâm		
62	131217990	DƯƠNG THỊ KIM	DUNG	K13XCD2	10			9		6	9		8	8.0	Tâm		
63	131217991	HUỖNH NGỌC	DŨNG	K13XCD2	5			5		7	6		6	6.0	Sầu		
64	131217992	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	K13XCD2	5			8.5		6.5	6		1	3.8	Ba pháp Tâm		
65	131217994	HỒ LIÊN	DƯƠNG	K13XCD2	8			5		7	7.5		2	4.5	Bấu pháp Nằm		
66	131217996	NGUYỄN VĂN	GIANG	K13XCD2	5			5		4	7	V	0.0	Khăng			
67	131218002	LÊ VŨ	HẢI	K13XCD2	8			2		8	8		1	3.9	Ba pháp Chên		
68	131218011	NGUYỄN VĂN	HIẾU	K13XCD2	7			5		5	7.5		4.5	5.2	Nằm pháp Hai		
69	131218015	TRẦN MẠNH	HÒA	K13XCD2	8			5		5	8		5	5.6	Nằm pháp Sầu		
70	131218016	NGUYỄN VĂN	HÒA	K13XCD2	7			8.5		8.5	7.5		2	5.0	Nằm		
71	131218020	NGUYỄN VĂN	HOÀN	K13XCD2	5			8.5		5	6		1	3.5	Ba pháp Nằm		
72	131218021	PHẠM DUY HUY	HOÀNG	K13XCD2	6			8.5		5	7.5		4	5.2	Nằm pháp Hai		
73	131218026	LÊ XUÂN	HÙNG	K13XCD2	5			5		5	6		1.5	3.4	Ba pháp Bấu		
74	131218034	HOÀNG QUỐC	HUY	K13XCD2	10			7.5		5	8.5		4	5.6	Nằm pháp Sầu		
75	131218039	HOÀNG NAM	KHÁNH	K13XCD2	10			7		8	9		6	7.2	Báy pháp Hai		
76	131218040	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K13XCD2	8			8.5		4.5	8		2	4.4	Bấu pháp Bấu		
77	131218042	NGUYỄN CÔNG	KHUÔNG	K13XCD2	6			7		8	7		3.5	5.4	Nằm pháp Bấu		
78	131218043	ĐINH THÀNH	KÍNH	K13XCD2	7			5		6.5	7.5		3	4.8	Bấu pháp Tâm		
79	131218047	LƯU ĐỨC	LINH	K13XCD2	8			6.5		5	8		5	5.8	Nằm pháp Tâm		
80	131218053	CHÂU HẢI	LONG	K13XCD2	10			5		7	8.5		3	5.3	Nằm pháp Ba		
81	131218055	NGUYỄN ĐỨC	LUÂN	K13XCD2	10			6.5		4	8.5		2	4.3	Bấu pháp Ba		
82	131218056	NGUYỄN ĐỨC	LYNH	K13XCD2	10			5		4	8		3	4.6	Bấu pháp Sầu		
83	131218065	LÊ HỮU	NGHĨA	K13XCD2	10			8.5		4	9		6	6.6	Sầu pháp Sầu		
84	131218070	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	K13XCD2	10			7.5		9	9		6.5	7.7	Báy pháp Báy		
85	131218071	TRẦN VĂN	PHÁP	K13XCD2	8			7.5		8	8		6	7.0	Báy		
86	131218077	TRẦN ĐĂNG	PHÚC	K13XCD2	6			5		4	7		2	3.6	Ba pháp Sầu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XCD

TÊN HỌC PHẦN: NỀN & MÓNG
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 323

HỌC KỲ 6
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 28/02/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10			10		20	10		50	100		
87	131218079	LÊ VĂN PHƯƠNG	K13XCD2	10			7.5		5	8		6	6.6	Sầu pháy Sầu		
88	131218080	THÁI ĐÀM PHƯƠNG	K13XCD2	8			5		6.5	7.5		6.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
89	131218082	LÊ HẢI TỊNH QUANG	K13XCD2	8			6.5		4	7.5		2.5	4.3	Bấu pháy Ba		
90	131218088	NGUYỄN ANH QUỐC	K13XCD2	7			6.5		8	7.5		6.5	7.0	Báy		
91	131218116	TRẦN TẮT THÀNH	K13XCD2	7			7.5		5.5	7.5		6	6.3	Sầu pháy Ba		
92	131218121	NGUYỄN NHO THỤ	K13XCD2	7			7.5		5	7.5		5.5	6.0	Sầu		
93	131218125	NGUYỄN NGỌC TIN	K13XCD2	10			7.5		5.5	8.5		7	7.2	Báy pháy Hai		
94	131218129	PHAN VĂN TOÀN	K13XCD2	10			5		5.5	8		6.5	6.7	Sầu pháy Báy		
95	131218133	ĐÀM QUANG TRUNG	K13XCD2	10			7.5		5	8.5		8	7.6	Báy pháy Sầu		
96	131218138	NGUYỄN NGỌC TRUÔNG	K13XCD2	10			7.5		5	8.5		6	6.6	Sầu pháy Sầu		
97	131218147	PHAN THỊ THẢO UYÊN	K13XCD2	10			7.5		6	9		6	6.9	Sầu pháy Chên		
98	131218149	NGUYỄN VŨ TUẤN VINH	K13XCD2	5			7		4.5	6		4	4.7	Bấu pháy Báy		
99	131218151	NGUYỄN TÂN VINH	K13XCD2	5			6.5		4	6.5		4.5	4.9	Bấu pháy Chên		
100	131218155	VÕ HOÀNG VŨ	K13XCD2	8			7		5	7.5		7	6.8	Sầu pháy Tầm		
101	131218159	TRẦN VĂN THUẬT	K13XCD2	10			7.5		5	8		7	7.1	Báy pháy Mất		
102	131218163	ĐẶNG HOÀNG HUỠY	K13XCD2	5			7		5	6		4.5	5.1	Nằm pháy Mất		
103	131218169	PHAN KHÁNH KHOA	K13XCD2	6			7		8	7.5		4	5.7	Nằm pháy Báy		
1	8463	NGUYỄN THÀNH TÚ	K11XC1	8			6.5		7	7		5	6.0	Sầu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	93	89%	
2	Số sinh viên nợ	11	11%	
TỔNG CỘNG :		104	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Huỳnh Ngọc Hào

Nguyễn Ân